

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự toán và gói thầu

1.1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm TSCĐ xe ô tô 4-5 chỗ.
- Tên dự toán: Mua sắm TSCĐ xe ô tô 4-5 chỗ.
- Chủ đầu tư: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Văn phòng Đại diện khu vực miền Nam.
- Nguồn vốn: Mua sắm TSCĐ năm 2025.
- Địa điểm bàn giao, nghiệm thu: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Văn phòng Đại diện khu vực miền Nam. Số 20 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian cung cấp: 30 ngày (kể cả ngày nghỉ, lễ).
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Hàng hóa phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, mới 100%, năm sản xuất từ năm 2025 trở lại đây.
- Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, số lượng hàng hoá theo yêu cầu.
- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ xuất xứ, nguồn gốc, các chứng chỉ chất lượng, chứng nhận hàng mới 100%, tài liệu kỹ thuật về hướng dẫn vận hành, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa của nhà sản xuất.
- Giá dự thầu bao gồm thuế nhập khẩu (nếu có), thuế GTGT, chi phí vận chuyển đến địa điểm của Chủ đầu tư. (Toàn bộ chi phí về vật tư tiêu hao, ... phục vụ quá trình chạy thử, hướng dẫn sử dụng, đào tạo do nhà thầu chịu).
- Thuế VAT cụ thể áp dụng cho việc chào thầu và ký kết hợp đồng khi trúng thầu: 10%.
- Nhà thầu phải cung cấp catalogue kỹ thuật hoặc tài liệu tương đương do hãng sản xuất phát hành có đầy đủ nội dung giới thiệu kỹ thuật, công nghệ, tính năng, thông số kỹ thuật.
- Cung cấp hàng hóa trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ).
- Cam kết cung cấp dịch vụ bảo hành sửa chữa hư hỏng, bảo trì, vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế tối thiểu 5 năm sau khi hết thời gian bảo hành.

– Nhà thầu phải có bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo mẫu sau:

Bảng 01: Kê khai quy cách, xuất xứ hàng hóa dùng cho gói thầu

Stt	Tên thiết bị	Quy cách, thông số kỹ thuật theo E-HSMT	Quy cách, thông số kỹ thuật dự thầu	Xuất xứ		Mã hiệu (nếu có)	Catalog, chứng chỉ (theo yêu cầu của E-HSMT)
				Trong nước	Nhập khẩu		
			<i>Nhà thầu kê khai chi tiết thông số chào thầu</i>				
	Xe ô tô 4-5 chỗ	vd: XYZ	vd: XYZ		vd: Mỹ	vd: ABC	vd: Có (xem trang 34, quyển 1..)

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu mô tả nhãn hiệu, xuất xứ, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu. Nếu một chỉ tiêu kỹ thuật không đạt đều được coi như là không đáp ứng. Hàng hóa cung cấp phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật như sau:

Bảng số 02: Yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật		
		Stt	Nội dung yêu cầu	Thông số
1	Xe ô tô 4-5 chỗ	I	KÍCH THƯỚC - TRỌNG LƯỢNG	
		1	Kích thước tổng thể: Dài x Rộng x Cao (mm)	4900 x 1840 x 1730
		2	Chiều dài cơ sở (mm)	2930

3	Bán kính vòng quay tối thiểu (m)	$\geq 5,8$
4	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 200
5	Khối lượng không tải (kg)	1770
6	Khối lượng toàn tải (kg)	2365
7	Thể tích khoang hành lý (L)	209-742
8	Dung tích bình nhiên liệu (L)	≥ 72
9	Số chỗ ngồi	≥ 4
10	Màu sắc	Đen
II	ĐỘNG CƠ – HỘP SỐ	
1	Động cơ	2.5, phun xăng trực tiếp
2	Hệ thống nhiên liệu	Phun xăng trực tiếp
3	Công suất cực đại (Hp/rpm)	$\geq 188/6000$ (Hp/rpm)
4	Hộp số	6 AT
5	Mô men xoắn cực đại (N.m/rpm)	$\geq 252/4000$ (Nm/rpm)
6	Hệ thống kiểm soát gia tốc GVC nâng cao	Có
7	Hệ thống dừng – khởi động động cơ tạm thời	Có
III	KHUNG GÀM	
1	Hệ thống treo trước	Độc lập
2	Hệ thống treo sau	Liên kết đa điểm
3	Hệ thống phanh trước	Đĩa tản nhiệt

		4	Hệ chuyển động	Cầu trước
		5	Hệ thống phanh sau	Đĩa
		6	Hệ thống trợ lực lái	Trợ lực điện
		7	Kích thước lốp xe	225/55R19
		IV	NGOẠI THẤT	
	1	Cụm đèn trước LED	Đèn chạy ban ngày	LED biểu tượng
			Tự động bật - tắt	Có
			Cân bằng góc chiếu tự động	Có
	2	Gương chiếu hậu	Có	
	3	Gạt mưa tự động	Có	
	4	Cánh hướng gió	Có	
	5	Cụm đèn sau LED	LED biểu tượng	
	6	Kính cửa trước chống tia cực tím UV và tia hồng ngoại IR	Có	
	7	Cốp điện điều khiển rảnh tay	Có	
	8	Thanh giá nóc xe	Có	
	9	Cửa sổ trời mở điện	Có	
	V	NỘI THẤT		
	1	Ghế da Nappa màu nâu đỏ	Có	
	2	Ốp trang trí nội thất vân tổ ong	Có	
	3	Sưởi tay lái	Có	
	4	Cụm đồng hồ táp lô	Analog & Digital $\geq 7''$	
	5	Hàng ghế trước chỉnh điện – nhớ ghế vị trí ghế lái	Có	

	6	Chức năng sưởi hàng ghế trước	Có
	7	Chức năng sưởi hàng ghế 02	Có
	8	Màn hình trung tâm	$\geq 8''$
	9	Kết nối AM/FM, USB, Bluetooth	Có
	10	Kết nối Apple Carplay	Có
	11	Hệ thống âm thanh	≥ 10 loa
	12	Cổng sạc nhanh USB cho hàng ghế 2 và 3	Có
	13	Màn hình hiển thị thông tin trên kính lái	Có
	14	Hàng ghế thứ hai trượt và ngả lưng	Có
	15	Hệ thống kiểm soát hành trình	Có
	16	Hệ thống điều hòa tự động 3 vùng độc lập	Có
	17	Cửa sổ chỉnh điện lên – xuống tự động	Có
	18	Gương chiếu hậu trong xe chống chói tự động	Có
	19	Hàng ghế thứ 2 gập 60-40	Có
	20	Hàng ghế thứ 3 gập phẳng 50-50	Có
	21	Rèm che nắng cửa sổ hàng ghế 2	Có
	VI	AN TOÀN	
	1	Túi khí	≥ 6
	2	Hệ thống chống bó cứng phanh ABS	Có

		3	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử EBD	Có
		4	Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp ESS	Có
		5	Hệ thống cân bằng điện tử DSC	Có
		6	Hệ thống kiểm soát lực kéo TCS	Có
		7	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA	Có
		8	Phanh tay điện tử tích hợp giữ phanh tự động	Có
		9	Hệ thống mở-khóa cửa thông minh	Có
		10	Hệ thống camera lùi	Có
		11	Cảm biến áp suất lốp TPMS	Có
		12	Cảm biến đỗ xe trước – sau	Có
		13	Khóa cửa tự động khi chìa khóa ra khỏi vùng cảm biến	Có
		14	Đèn trước mở rộng góc chiếu ánh sáng khi đánh lái AFS	Có
		15	Hệ thống cảnh báo điểm mù BSM	Có
		16	Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi RCTA	Có

- Trong quá trình chào thầu nhà thầu phải ghi rõ ràng và chi tiết ký mã hiệu, chủng loại, hãng chế tạo, nguồn gốc, xuất xứ mà không được ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” nếu ghi thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đạt, đặc tính thông số kỹ thuật trong catalogue phải phù hợp với đặc tính thông số Chủ đầu tư yêu cầu.

- Nhà thầu cung cấp các chủng loại thiết bị theo đúng yêu cầu về thông số kỹ thuật theo quy định của E-HSMT hoặc tốt hơn (Nếu chứng minh là tốt hơn, nhà thầu phải đính kèm bảng so sánh giữa thông số kỹ thuật của thiết bị dự thầu và thiết bị mời thầu).

- Nhãn hiệu, tên nhà sản xuất hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn đánh giá, nhà thầu có thể chào hàng hóa của hãng khác có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn các hàng hóa nêu trên về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ. Nhà thầu phải lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu.

- Catalogue kỹ thuật của hàng hoá (bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt) hoặc tài liệu tương đương phải có đầy đủ thông số kỹ thuật.

- Khái niệm “Tương đương” nghĩa là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ tương tự với hàng hóa đã nêu.

- Sai số cho phép về kích thước, trọng lượng (nếu có) là $\pm 5\%$.

c) Yêu cầu khác:

- Nhà thầu cung cấp hàng hóa phải là hàng hóa được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây, hàng mới 100% chưa qua sử dụng.

- Nhà thầu cần nêu rõ đầy đủ chi tiết các đặc tính kỹ thuật của nhà sản xuất và có gửi kèm Cataloge của hàng hóa để đối chiếu.

- Yêu cầu về vận chuyển: không yêu cầu.

- Yêu cầu về bảo hành: Thời hạn bảo hành tối thiểu 05 năm hoặc 150.000 km đầu tiên (tùy điều kiện nào đến trước) được tính kể từ khi hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu.

Mục 2. Bản vẽ:

– Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

– Kiểm tra và vận hành thử hàng hóa trước khi nghiệm thu.

– Sau khi lắp đặt và chạy thử, nhà thầu phải tổ chức huấn luyện vận hành sử dụng thiết bị cho đơn vị thụ hưởng sử dụng thành thạo toàn bộ thiết bị.

Chi phí kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa do bên B chịu. Bên B chịu trách nhiệm bồi thường về chất lượng, số lượng hàng hóa của mình không đạt yêu cầu sau khi kiểm tra, thử nghiệm.